UỶ BAN NHÂN DÂN **HUYỆN IA GRAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 112 /QĐ-UBND	*Ia Grai, ngày 19tháng 01 năm 2023*

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố công khai số liệu dự toán ngân sách năm 2023

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN IA GRAI

Căn cứ Luật tổ chức Chính quyền địa phương năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật tổ chức Chính quyền địa phương năm 2019;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước năm 2015;

Căn cứ Nghị định số: 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách Nhà nước;

Căn cứ Thông tư số: 343/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách nhà nước đối với cấp ngân sách;

Căn cứ Nghị quyết số 89/NQ-HĐND ngày 16/12/2022 của Hội đồng nhân dân huyện khoá XIII kỳ họp thứ Bảy về việc phê chuẩn dự toán thu, chi ngân sách năm 2023 và phương án phân bổ ngân sách cấp huyện, xã, thị trấn năm 2023;

Căn cứ Quyết định số 3403/QĐ-UBND ngày 19/12/2022 của Ủy ban nhân dân huyện Ia Grai về việc giao dự toán thu chi ngân sách năm 2023 cho các đơn vị dự toán cấp huyện;

Căn cứ Quyết định số 3404/QĐ-UBND ngày 19/12/2022 của Ủy ban nhân dân huyện Ia Grai về việc giao dự toán thu, chi ngân sách năm 2023 cho các xã, thị trấn;

Căn cứ Quyết định số 3408/QĐ-UBND ngày 19/12/2022 của Ủy ban nhân dân huyện Ia Grai về việc giao kế hoạch đầu tư vốn ngân sách huyện năm 2023;

Theo đề nghị của Trưởng Phòng Tài chính – Kế hoạch huyện.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai số liệu dự toán ngân sách năm 2023 *(Theo các biểu mẫu đính kèm)*

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng HĐND và UBND huyện, Trưởng phòng Tài chính – Kế hoạch huyện, Giám đốc Kho bạc Nhà nước Ia Grai và Thủ trưởng các cơ quan, ban, ngành có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này.

Nơi nhận:
- Như điều 3;
- Sở Tài chính;
- TTr HĐND huyện;
- Lãnh đạo UBND huyện;
- Văn phòng Huyện ủy;
- Chi cục Thuế, KBNN huyện;
- Cổng thông tin điện tử huyện;
- Lưu: VT,TCKH.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH

Lê Ngọc Quý

Biểu số 81/CK-NSNN

CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH HUYỆN NĂM 2023

(Kèm theo Quyết định số:112 /QĐ-UBND ngày 19tháng 01 năm 2023 của Ủy ban nhân dân huyện Ia Grai)

Đơn vị: triệu đồng

STT	Nội dung	Dự toán
A	**TỔNG NGUỒN THU NGÂN SÁCH HUYỆN**	**637.973**
I	**Thu ngân sách huyện được hưởng theo phân cấp**	**202.543**
	Thu ngân sách huyện hưởng 100%	54.270
	Thu ngân sách huyện hưởng từ các khoản thu phân chia	148.273
II	**Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên**	**435.430**
	Thu bổ sung cân đối	433.742
	Thu bổ sung có mục tiêu	1.688
III	**Thu kết dư**	
IV	**Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang**	
B	**TỔNG CHI NGÂN SÁCH HUYỆN**	**637.973**
I	**Tổng chi cân đối ngân sách huyện**	**636.285**
1	Chi đầu tư phát triển	167.931
2	Chi thường xuyên	445.700
3	Dự phòng ngân sách	10.354
4	Chi tạo nguồn, điều chỉnh tiền lương	12.300
II	**Chi các chương trình mục tiêu**	**1.688**
1	Chi các chương trình mục tiêu quốc gia	
1	Chi các chương trình mục tiêu, nhiệm vụ	1.688
III	**Chi chuyển nguồn sang năm sau**	

Biểu số 82/CK-NSNN

CÂN ĐỐI NGUỒN THU, CHI DỰ TOÁN NGÂN SÁCH CẤP HUYỆN VÀ NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2023

Ban hành kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày tháng 01 năm 2023 của Ủy ban nhân dân huyện Ia Grai)

Đơn vị: triệu đồng

STT	Nội dung	Dự toán
A	**NGÂN SÁCH CẤP HUYỆN**	**585.844**
I	**Nguồn Thu ngân sách**	**585.844**
1	Thu ngân sách được hưởng theo phân cấp	150.414
2	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	435.430
-	*Thu bổ sung cân đối*	*433.742*
-	*Thu bổ sung có mục tiêu*	*1.688*
3	Thu kết dư	
4	Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang	
II	**Chi ngân sách**	**585.844**
1	Chi thuộc nhiệm vụ của ngân sách cấp huyện	509.647
2	Chi bổ sung cho ngân sách xã	76.197
-	*Chi bổ sung cân đối*	*65.384*
-	*Chi bổ sung có mục tiêu*	*10.813*
3	Chi chuyển nguồn sang năm sau	
B	**NGÂN SÁCH XÃ**	**128.326**
I	**Nguồn Thu ngân sách**	**128.326**
1	Thu ngân sách được hưởng theo phân cấp	52.129
2	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	76.197
-	*Thu bổ sung cân đối*	*65.384*
-	*Thu bổ sung có mục tiêu*	*10.813*
3	Thu kết dư	
4	Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang	
II	**Chi ngân sách**	**128.326**

Biểu số 83/CK-NSNN

DỰ TOÁN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2023

(Ban hành kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày tháng 01 năm 2023 của Ủy ban nhân dân huyện Ia Grai)

Đơn vị: triệu đồng

STT	Nội dung	Dự toán	
		Tổng thu NSNN	Thu NS huyện, xã
	TỔNG THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC	**226.817**	**202.543**
A	**PHẦN TW, TỈNH THU TRÊN ĐỊA BÀN**		
B	**PHẦN HUYỆN THU**	**226.817**	**202.543**
I	**THU TỪ DNNN, TW, TỈNH QUẢN LÝ**	**400**	**-**
1	***Thuế giá trị gia tăng***	***400***	
2	***Thuế tài nguyên***		
3	***Phí bảo vệ MT đối với khai thác khoáng sản***		
4	***Tiền cho thuê đất DNNN***		
II	**THU CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH**	**226.417**	**202.543**
1	***Thu từ khu vực công thương nghiệp, DV NQD***	***16.000***	***16.000***
a	Thu từ DN ngoài QD	12.000	12.000
-	*Thuế giá trị gia tăng doanh nghiệp, vãng lai*	*10.800*	*10.800*
-	*Thuế thu nhập doanh nghiệp, thuế lợi tức*	*1.000*	*1.000*
-	*Thuế tài nguyên*	*200*	*200*
-	*Thuế tiêu thụ đặc biệt hàng nội địa*		
-	*Thu khác của thuế*		
b	Thu từ hộ kinh doanh	4.000	4.000
-	*Thuế giá trị gia tăng, thuế doanh thu*	*3.900*	*3.900*
-	*Thuế thu nhập doanh nghiệp, thuế lợi tức*	-	
-	*Thuế tài nguyên*	-	
-	*Thuế tiêu thụ đặc biệt hàng nội địa*	*100*	*100*
-	*Thu khác của thuế*	-	
2	***Thuế SD đất NN ngoài QD và hộ nông dân***		
3	***Thuế phi nông nghiệp***	***100***	***100***
4	***Tiền sử dụng đất***	***164.747***	***148.273***
5	***Lệ phí trước bạ***	***14.100***	***14.100***
6	***Phí và lệ phí huyện, xã***	***6.000***	***1.370***
7	***Thuế thu nhập cá nhân ngoài QD***	***20.400***	***20.400***
8	***Thu tiền cho thuê mặt đất, mặt nước do huyện quản lý***	***600***	***600***
9	***Thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản***	-	
10	***Thu phạt hành chính do cơ quan thuế xử lý***	***400***	
11	***Thu khác ngân sách và phạt các loại***	***4.070***	***1.700***
a	Thu phạt an toàn giao thông	2.410	40

STT	Nội dung	Dự toán	
		Tổng thu NSNN	Thu NS huyện, xã
	- Cấp huyện thu	*2.370*	
	- Cấp xã thu	*40*	*40*
b	Thu khác và phạt các loại	1.660	1.660
C	**Thu chuyển nguồn (*)**	-	
D	**Thu kết dư**	-	

Biểu số 84/CK-NSNN

DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH HUYỆN, CHI NGÂN SÁCH CẤP HUYỆN VÀ CHI NGÂN SÁCH XÃ THEO CƠ CẤU CHI NĂM 2023

(Ban hành Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày tháng 01 năm 2023 của Ủy ban nhân dân huyện Ia Grai)

Đơn vị: triệu đồng

STT	Nội dung	Ngân sách huyện	Chia ra	
			Ngân sách cấp huyện	Ngân sách xã
	TỔNG CHI NGÂN SÁCH HUYỆN	**637.973**	**512.147**	**125.826**
A	**CHI CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH HUYỆN**	**637.973**	**512.147**	**125.826**
I	**Chi đầu tư phát triển**	**167.931**	**137.873**	**30.058**
1	Chi đầu tư cho các dự án	166.631	136.573	30.058
-	Chi từ nguồn tỉnh phân cấp	24.763	24.763	
-	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề			
-	Chi khoa học và công nghệ			
	Trong đó chia theo nguồn vốn:			
-	Chi đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất	141.868	111.810	30.058
-	Chi đầu tư từ nguồn thu xổ số Kiến thiết			
2	Chi đầu tư phát triển khác	1.300	1.300	
II	**Chi thường xuyên**	**447.388**	**358.882**	**88.506**
	Trong đó:			
1	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	233.962	233.410	552
2	Chi khoa học và công nghệ	400	400	
III	**Dự phòng ngân sách**	**10.354**	**8.604**	**1.750**
IV	**Chi tạo nguồn, điều chỉnh tiền lương**	**12.300**	**6.788**	**5.512**
B	**CHI CÁC CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU**			
I	Chi các chương trình mục tiêu quốc gia (Chi tiết theo từng chương trình mục tiêu quốc gia)			
II	Chi các chương trình mục tiêu, nhiệm vụ (Chi tiết theo từng chương trình mục tiêu quốc gia)			
C	**CHI CHUYỂN NGUỒN SANG NĂM SAU**			

Biểu số 85/CK-NSNN

DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH CẤP HUYỆN THEO TỪNG LĨNH VỰC NĂM 2023

(Ban hành Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày tháng 01 năm 2023 của Ủy ban nhân dân huyện Ia Grai)

Đơn vị: triệu đồng

STT	Nội dung	Dự toán
	TỔNG CHI NGÂN SÁCH HUYỆN	**588.344**
A	**CHI BỔ SUNG CÂN ĐỐI CHO NGÂN SÁCH XÃ**	**76.197**
B	**CHI NGÂN SÁCH CẤP HUYỆN THEO LĨNH VỰC**	**512.147**
	Trong đó	
I	**Chi đầu tư phát triển**	**137.873**
1	Chi đầu tư cho các dự án	
-	Trong đó :	
1.1	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	14.863
1.2	Chi khoa học và công nghệ	
1.3	Chi y tế, dân số và gia đình	
1.4	Chi văn hóa thông tin	4.807
1.5	Chi phát thanh, truyền hình, thông tấn	
1.6	Chi thể dục thể thao	
1.7	Chi bảo vệ môi trường	
1.8	Chi các hoạt động kinh tế	114.903
1.9	Chi hoạt động của cơ quan quản lý nhà nước, đảng, đoàn thể	2.000
1.10	Chi bảo đảm xã hội	
2	Chi đầu tư phát triển khác	1.300
II	**Chi thường xuyên**	**358.882**
1	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	233.410
2	Chi khoa học và công nghệ	400
3	Chi y tế, dân số và gia đình	-
4	Chi văn hóa thông tin	2.782
5	Chi phát thanh, truyền hình, thông tấn	2.138
6	Chi thể dục thể thao	580
7	Chi bảo vệ môi trường	4.036
8	Chi các hoạt động kinh tế	31.656
9	Chi hoạt động của cơ quan quản lý nhà nước, đảng, đoàn thể	33.897
10	Chi bảo đảm xã hội	34.611
11	Chi các khoản khác	15.372
III	**Dự phòng ngân sách**	**8.604**
IV	**Chi tạo nguồn, điều chỉnh tiền lương**	**6.788**
C	**CHI CHUYỂN NGUỒN SANG NĂM SAU**	

Biểu số 89/CK-NSNN

DỰ TOÁN THU, SỐ BỔ SUNG VÀ DỰ TOÁN CHI CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH TỪNG XÃ NĂM 2023

(Ban hành Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày tháng 01 năm 2023 của Ủy ban nhân dân duyện Ia Grai)

Đơn vị: triệu đồng

STT	TÊN ĐƠN VỊ	TỔNG THU NSNN TRÊN ĐỊA BÀN	THU NGÂN SÁCH XÃ ĐƯỢC HƯỞNG THEO PHÂN CẤP			SỐ BỔ SUNG CÂN ĐỐI TỪ NGÂN SÁCH CẤP HUYỆN	CHI BỔ SUNG THỰC HIỆN ĐIỀU CHỈNH TIỀN LƯƠNG	THU CHUYỂN NGUỒN TỪ NĂM TRƯỚC CHUYỂN SANG	TỔNG CHI CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH XÃ
			TỔNG SỐ	CHIA RA					
				THU NGÂN SÁCH XÃ HƯỞNG 100%	THU NGÂN SÁCH XÃ HƯỞNG TỪ CÁC KHOẢN THU PHÂN CHIA				
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8
-	**TỔNG SỐ**	**117.513**	**52.129**	**6.700**	**45.429**	**65.384**			**117.513**
1	Xã Ia Sao	14.084	9.123	984	8.139	4.961			14.084
2	Xã Ia Yok	17.209	12.344	684	11.660	4.865			17.209
3	Xã Ia Hrung	6.441	2.017	547	1.470	4.424			6.441
4	Xã Ia Bă	6.383	1.577	462	1.115	4.806			6.383
5	Xã Pếch	5.346	1.469	422	1.047	3.877			5.346
6	Xã Chía	6.737	649	162	487	6.088			6.737
7	Xã O	10.076	4.332	254	4.078	5.744			10.076
8	Xã Krái	7.745	1.377	299	1.078	6.368			7.745
9	Xã Khai	5.104	291	112	179	4.813			5.104
10	Xã Tô	7.491	1.210	312	898	6.281			7.491
11	Xã Grăng	5.233	779	178	601	4.454			5.233
12	Xã Dêr	17.533	13.382	1.195	12.187	4.151			17.533
13	TT Ia Kha	8.131	3.579	1.089	2.490	4.552			8.131

Biểu số 90/CK-NSNN

DỰ TOÁN CHI BỔ SUNG CÓ MỤC TIÊU TỪ NGÂN SÁCH CẤP HUYỆN CHO NGÂN SÁCH TỪNG XÃ NĂM 2023

(Ban hành Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày tháng 01 năm 2023 của Ủy ban nhân dân huyện Ia Grai)

Đơn vị: triệu đồng

STT	Tên đơn vị	Tổng số	Bổ sung vốn đầu tư để thực hiện các chương trình mục tiêu, nhiệm vụ	Bổ sung vốn sự nghiệp để thực hiện các chế độ, chính sách, nhiệm vụ	Bổ sung thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia
A	B	1=2+3+4	2	3	4
-	**TỔNG SỐ**	**10.813**		**10.813**	
1	Xã Ia Sao	732		732	
2	Xã Ia Yok	390		390	
3	Xã Ia Hrung	305		305	
4	Xã Ia Bă	428		428	
5	Xã Pếch	1.228		1.228	
6	Xã Chía	1.081		1.081	
7	Xã O	950		950	
8	Xã Krái	1.000		1.000	
9	Xã Khai	555		555	
10	Xã Tô	2.534		2.534	
11	Xã Grăng	510		510	
12	Xã Dêr	272		272	
13	TT Ia Kha	828		828	